TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2022/DS-ST
Ngày 11 -11-2022
"V/v Tranh chấp chuyển giao
nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quang Minh

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị H, Sinh năm: 1961 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C ..
- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1966 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C ..
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1958 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C.
2. Bà Nguyễn Hồng H1 (Nguyễn Hồng Q), sinh năm 1967 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trần Thị H trình bày: Năm 1998 bà có cho bà Q vay 15 chỉ vàng 24k, khi bà Q vay vàng bà thì bà Q không có nói là vay dùm ông T. Sau khoảng vài năm thì bà đòi vàng bà Q thì bà Q nói là vay dùm vàng ông T. Đến năm 2008 thì ông T và bà Q đến gặp bà và cộng gốc và lãi 3,6 lượng vàng 24k (36 chỉ vàng 24k). Ngày 02/4/2008 ông T đưa bà 1,2

lượng vàng 24k (12 chỉ vàng 24k) vàng lãi, bà bớt cho ông T 01 chỉ vàng 24k nên bà có ghi biên nhận cho ông T đã trả 1,3 lượng vàng 24k, còn lại thiếu 2,3 lượng vàng 24k. Sau đó vài năm mẹ của ông T có gửi bà trả dùm ông T 02 chỉ vàng 24k không nói là vàng lãi hay vàng gốc. Đến ngày 10/5/2014 ông T có ký nhận thiếu vàng bà còn 02 lượng vàng 24k (20 chỉ vàng 24k), người viết biên nhận là chị Cầm con bà Q (bà đã bớt thêm cho ông T 01 chỉ vàng 24k). Như vậy tổng cộng ông T đã trả cho bà 1,4 lượng vàng 24k.

Nay bà yêu cầu ông T, bà Hóa trả cho bà 20 chỉ vàng 24k.

Ông Trần Văn T trình bày: Trước đây đã lâu thì vợ chồng ông có nhờ bà Q vay vàng bà H dùm ông, lãi suất 03 chỉ vàng 24k/1 năm/01 lượng vàng 24k. Ông đã trả lãi cho bà H khoảng 3 năm ông trả bằng tiền, năm thứ ba trả bằng vàng không làm biên nhận, tiền lãi bao nhiêu thì ông không nhớ, đến ngày 02/4/2008 thì ông có gặp bà H kết gốc và lãi là 3,6 lượng vàng 24k. Ông đã trả cho bà H 1,3 lượng vàng 24k là vàng gốc, còn lại 2,3 lượng vàng 24k (trong đó 02 chỉ vàng 24k gốc và 2,1 lượng vàng 24k lãi), vài năm sau thì mẹ của ông có trả bà H dùm ông 02 chỉ vàng 24k vàng gốc, ông chỉ còn thiếu bà H 2,1 lượng vàng 24k là vàng lãi.

Đối biên nhận ngày 10/5/2014 ông có ký nhận tên Trần Văn T tuy nhiên khi ký ông không biết nội dung ghi gì. Đồng ý trả cho bà H thêm 03 chỉ vàng 24k.

Bà Nguyễn Hồng Hóa trình bày: Bà thừa nhận vợ chồng bà có nhờ bà Q vay vàng bà H dùm vợ chồng bà như ông T trình bày là đúng. Bà thừa nhận có ký phía sau biên nhận vàng như bà H cung cấp cho Tòa án, do bà không biết chữ nên bà không biết nội dung biên nhận là gì. Do điều kiện đi lại khó khăn bà đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt bà và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà từ giai đoạn sơ thẩm đến phúc thẩm nếu có. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bà Trần Thị Q trình bày: Trước đây thời gian nào thì bà không nhớ, ông T có nhờ bà vay vàng của bà H dùm ông T 15 chỉ vàng 24k có lãi nhưng ba nhiêu thì bà không nhớ, sau khi vay vàng của bà H dùm ông T, ông T là người trực tiếp trả vàng cho bà H, việc ông T trả vàng cho bà H bao nhiêu thì bà không biết. Do điều kiện đi lại khó khăn bà đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt bà ở cac phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Bà Trần Thị H trình bày: Bà yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn T, và Nguyễn Hồng Hóa trả số vàng thiếu 20 chỉ vàng 24k.

Ông Trần Văn T trình bày: Ông xác định thời gian bà Q vay vàng của bà H dùm ông là khoảng 02 năm sau cơ bảo số 5 (năm 1997), ông không đồng ý theo yêu cầu của bà H, vì trong quá trình vay vợ chồng ông đã trả lãi cho bà H, số vàng bà H yêu cầu là vàng lãi không phải vàng gốc. Vợ chồng ông đã trả xong số vàng gốc 15 chỉ vàng 24k, không đồng ý trả thêm số vàng nào.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc

chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà H, buộc ông Trần Văn T, bà Nguyễn Hồng Hóa trả cho bà H số vàng 5,9 chỉ vàng 24k.

Án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T về "Hợp đồng vay tài sản". Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Trần Văn T thực hiện thay nghĩa vụ cho bà Trần Thị Q trả vàng vay cho bà Trần Thị H được sự đồng ý của bà H. Bà H chỉ có yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà mà không yêu cầu bà Q trả nên Tòa án xác định thay đổi quan hệ tranh chấp từ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thành quan hệ tranh chấp "Chuyển giao nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 315 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 370 Bộ luật dân sự 2015). Ông Trần Văn T có địa chỉ tại huyện Trần Văn Thời nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vắng mặt đương sự: Các đương sự bà Trần Thị Q, bà Nguyễn Hồng H1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Bà H xác định năm 1998 bà có cho bà Trần Thị Q vay 15 chỉ vàng 24k, khi bà Q vay vàng bà thì bà Q không có nói là vay dùm ông T. Sau khoảng vài năm thì bà đòi vàng bà Q thì bà Q nói là vay dùm vàng ông T. Đến ngày 02/4/2008 âm lịch thì ông T và bà Q đến gặp bà và cộng gốc và lãi 3,6 lượng vàng 24k (36 chỉ vàng 24k), ông T trả cho bà 1,2 lượng vàng 24k (12 chỉ vàng 24k) vàng lãi, bà bớt cho ông T 01 chỉ vàng 24k nên bà có ghi biên nhận cho ông T đã trả 1,3 lượng vàng 24k, còn lại thiếu 2,3 lượng vàng 24k. Sau đó mẹ của ông T có gửi bà trả dùm ông T 02 chỉ vàng 24k không nói là vàng lãi hay vàng gốc. Đến ngày 10/5/2014 ông T có ký nhận thiếu vàng bà còn 02 lượng vàng 24k (20 chỉ vàng 24k). Như vậy tổng cộng ông T đã trả cho bà 1,4 lượng vàng 24k. Nay bà yêu cầu ông T, bà Hóa trả cho bà 20 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa ông T cho rằng vợ chồng ông bà có nhờ bà Q vay vàng của bà H dùm ông bà số vàng 15 chỉ vàng 24k thời gian nào thì không nhớ, ông chỉ nhớ sau bảo số 5 (1997) khoảng 2 năm. Đến ngày 02/4/2008 al ông có trả cho bà H được 13 chỉ vàng 24k, sau đó ông nhờ mẹ của ông trả vàng bà H dùm ông 2 chỉ vàng 24k, tổng cộng ông đã trả cho bà H 15 chỉ vàng 24k là vàng gốc, không phải 14 chỉ vàng 24k như bà H trình bày.

Sau khi nhờ bà Q vay vàng dùm thì ông bà có trả lãi cho bà H được 03 năm, không có làm biên nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng bà H cho rằng năm 2008 ông T vay của bà 20 chỉ vàng 24k là thực tế không xảy ra mà sự việc là trước đây bà Q là người vay vàng của bà H số vàng 15 chỉ vàng 24k các bên không có làm biên nhận vay vàng, đến ngày 02/4/2008 âm lịch thì giữa bà H, ông T, bà Q gặp nhau kết nợ thì ông T có trách nhiệm trả số vàng bà Q vay bà H dùm ông T, khi kết nợ thì tổng số vàng thiếu 36 chỉ vàng 24k (gốc 15 chỉ vàng 24k, lãi 21 chỉ vàng 24k), ông T đã trả cho bà H 1,3 lượng vàng 24k bà H có viết biên nhận cho ông T được các bên thừa nhận. Đến ngày 14/5/2014 ông T ký nhận thiếu bà H 20 chỉ vàng 24k. Số vàng 20 chỉ vàng 24k ông T ký nhận không phải như bà H trình bày ông T vay bà H năm 2008. Đây là số vàng còn lại khi các bên chốt nợ vàng gốc và lãi đến ngày 02/4/2008 âm lịch giữa bà H, bà Q và ông T. Sau đó ông T đã trả thêm cho bà H 02 chỉ vàng 24k. Đối với bà H cho rằng ông T chỉ trả cho bà 14 chỉ vàng 24k vàng lãi, không được ông T thừa nhận và bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh lời trình bày của bà. Theo vợ chồng ông T xác định có trả lãi cho bà H 03 năm nhưng bà H không thừa nhận, bà H xác định sau khi vay thì bà Q có trả lãi cho bà 01 năm, phía ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình.

[4] Ông T là người không trực tiếp vay vàng của bà H nhưng giữa bà H, ông T đã thõa thuận vào ngày 02/4/2008 al ông T là người nhận trách nhiệm trả số vàng vay mà bà Q vay của bà H 15 chỉ vàng 24k dùm ông T. Như vậy nghĩa vụ trả số vàng này đã chuyển giao qua cho ông T, ông T phải có trách nhiệm trả cho bà H khoảng vay 15 chỉ vàng 24k mà bà H cho bà Q vay. Khi các bên kết nợ ông T còn thiếu bà H 36 chỉ vàng 24k (Trong đó 15 chỉ vàng 24k gốc và 21 chỉ vàng 24k lãi). Bà H cho rằng số vàng ông T trả 14 chỉ vàng 24k là vàng lãi, tuy nhiên bà H thừa nhận có ký biên nhận 1,3 lượng vàng 24k và nhận 02 chỉ vàng 24k từ mẹ của ông T trả dùm ông T, như vậy tổng cộng bà H đã nhận của ông T 15 chỉ vàng 24k. Vấn đề tranh chấp là 15 chỉ vàng 24k là vàng gốc hay vàng lãi. Khi thực hiện nghĩa vụ trả vàng thì các bên không đương sự không xác định rõ là trả gốc hay. Tuy nhiên bị đơn xác định là trả nợ gốc nên cần xác định số vàng 15 chỉ vàng 24k mà bị đơn trả là vàng gốc.

[5] Về thời gian bà H cho bà Q vay, cũng như thời gian ông T nhờ bà Q vay của bà H các bên trình bày không thống nhất. Bà H cho rằng cho bà Q vay năm 1998 nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Đối với bà Q thì xác định không nhớ thời gian bà vay vàng của bà H dùm ông T. Đối ông T cho rằng ông nhờ bà Q vay vàng bà H dùm ông khoảng sau cơn bảo số 5 (năm 1997) khoảng 2 năm, không nhớ chính xác. Do các bên không xác định được thời gian vay và phía nguyên đơn không đưa ra tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, do đó chấp nhận lời trình bày của bị đơn thời gian bị đơn nhờ bà Q vay của bà H năm 1999 là phù hợp.

[6] Số vàng ông T phải có trách nhiệm trả cho bà H cụ thể được tính như sau:

Về vàng lãi: Từ năm 2000 đến 31/12/2007 là 10 năm: 15 chỉ vàng 24k x 4,96%/năm x 10 năm = 5,21 chỉ vàng 24k.

Từ 01/01/2008 đến 06/5/2008 (02/4/2008 al) là 5 tháng 5 ngày: 15 chỉ vàng 24k x 7,5%/năm x 5 tháng 5 ngày = 0,39 chỉ vàng 24k.

Từ ngày 07/5/2008 đến 31/12/2008 là 7 tháng 25 ngày: 02 chỉ vàng 24k x 7,5%/năm x 7 tháng 25 ngày = 0,05 chỉ vàng 24k.

Từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2009 là 01 năm: 02 chỉ vàng 24k x 6,7%/năm x 01 năm = 0,13 chỉ vàng 24k .

Từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010 là 01 năm: 02 chỉ vàng 24k x 4,49%/năm x 01 năm = 0,09 chỉ vàng 24k.

Từ ngày 01/01/2011 đến 30/4/2011 là 04 tháng: 02 chỉ vàng 24k x 4,88%/năm x 04 tháng = 0,03 chỉ vàng 24k.

Như vậy số vàng ông T, bà Hóa phải trả bà H gốc 15 chỉ vàng 24k và lãi 5,9 chỉ 24k = 20,9 chỉ vàng 24k. Ông T đã trả cho bà H 15 chỉ vàng 24k, còn lại ông T, phải trả cho bà H là 5,9 chỉ vàng 24k. Về trách nhiệm trả nợ, bà Hóa là vợ của ông T, tại thời điểm vay vàng bà H1 cũng xác định là bà Q vay dùm cho vợ chồng bà nên bà phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông T trả số vàng còn lại cho bà H.

[7] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhận định phù hợp nên Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà H, buộc ông T, bà Hóa trả cho bà H 5,9 chỉ vàng 24k.

[9] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu của bà H, nên bà H phải chịu án phí theo quy định đối với số vàng không được chấp nhận, do bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, do dó bà H được miễn án phí theo quy định.

Ông Trần Văn T, bà Nguyễn Hồng Hóa phải chịu án phí sơ thẩm là 1.519.000 đồng (làm tròn) (5,9 chỉ vàng 24k x 5.150.000 đồng/chỉ x 5% = 1.519.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 315 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 370 Bộ luật dân sự 2015); Quyết định số 57-QĐ/NH ngày 31/3/1992 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về lãi suất huy động vốn và cho vay bảo đảm giá trị theo giá vàng; Quyết định số 432/2000/QĐ-NHNN ngày 02/10/2000 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về nghiệp vụ huy động và sử dụng vốn bằng vàng, bằng VNĐ bảo đảm giá trị theo giá vàng của các tổ chức tín dụng; Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng nhà nước quy định về chấm dứt huy động vốn bằng vàng của các tổ chức tín dụng; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Trần Văn T, bà Nguyễn Hồng H1. Buộc ông Trần Văn T, bà Nguyễn Hồng H1 trả cho bà Trần Thị H 5 chỉ 9 phân vàng 24k *(Năm chỉ, chín phân vàng 24 kara).*

Không chấp nhận một phần khởi kiện của bà Trần Thị H yêu cầu ông Trần Văn T, bà Nguyễn Hồng H1 trả số vàng 14 chỉ 1 phân vàng 24k.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị H là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định.

Ông Trần Văn T, bà Nguyễn Hồng H1 phải chịu án phí sơ thẩm là 1.519.000 đồng (làm tròn) chưa nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H, ông Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Hồng H1, bà Trần Thị Q được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Len